TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 15, 08/04 – 12/04/2024

Thị trường kiên cường trước dữ liệu lạm phát cao từ Mỹ

Tiêu điểm:

- Chỉ số CPI tại Mỹ tăng tốc trong tháng thứ hai liên tiếp lên 3.5% vào tháng 3 năm 2024, mức cao nhất kể từ tháng 9, cao hơn tháng 2 là 3.2% của tháng 2 và dự báo là 3.4%.
- Sáng 12.4, giá vàng thế giới tăng sốc lên 2,385.6 USD/ounce, cao hơn 45 USD so với sáng hôm qua. Đây là mức giá cao nhất mọi thời đại của vàng thế giới, kéo vàng SJC lên sát 85 triệu.
- Sáng 12/4, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam hiện ở mức 24,046 VND/USD – tăng 10 VND.

Đánh giá: Dữ liệu CPI cao hơn kì vọng đã làm thị trường thế giới giảm điểm, kéo theo đà giảm của VNINDEX vào ngày 10/04. Tuy nhiên, theo dữ liệu thống kê thì trong 4 lần dự đoán về chỉ số CPI tính từ đầu năm nay, dữ liệu thực tế đều cao hơn kì vọng, song VNINDEX vẫn giữ được xu hướng tăng trong cùng khoảng thời gian trên. Chúng tôi cho rằng đà tăng VNINDEX đã được hỗ trợ mạnh mẽ bởi sự kì vọng phục hồi kinh tế, KQKD tích cực trong Q1 và những thông tin từ đại hội cổ đông. Ngoài ra, cần lưu ý rủi ro về giá năng lượng sẽ làm chỉ số CPI của Mỹ khó giảm như kì vọng, dẫn đến việc FED tiếp tục trì hoãn cắt giảm lãi suất, từ đó tác động tiêu cực đến thị trường.

Góc nhìn kĩ thuật: Trên đồ thị tuần, VNINDEX đóng cửa tại 1,276 (+21.79 điểm, +1.71%) với thanh khoản ở mức thấp. Thị trường đã test thành công vùng 1,250 cho thấy đà tăng vẫn tiếp diễn.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư ưu tiên giải ngân nhóm cổ phiếu bật tăng từ nền tích lũy tốt. Nhóm ngân hàng, dầu khí và xuất khẩu sẽ là tâm điểm chú ý của dòng tiền.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,277	1.7	2.5	10.6	13.0		16.7	1.8	205
Upcom Index	91	0.6	0.5	5.0	4.8		12.6	1.3	50
HNX Index	241	0.7	3.1	4.8	4.5		23.9	1.3	12
VN30 Index	1,285	2.1	3.4	10.4	13.5		12.7	1.7	144
S&P 500 Index	5,199	-0.1	0.5	8.7	9.0		24.9	4.8	45,400
STOXX Europe 600 Index	510	0.7	0.7	7.0	6.5		14.8	2.1	14,379
Hang Seng	16,722	0.0	-2.2	2.9	-1.9		9.6	1.0	2,574
Nikkei 225	39,524	1.4	1.9	11.1	18.1		28.2	2.2	4,693
SHCOMP Index	3,019	-1.6	-1.2	4.8	1.5		12.6	1.2	6,402
STI Index	3,219	0.0	2.5	0.9	-0.6		11.5	1.1	361
KOSPI Index	2,682	-1.2	0.0	6.2	1.0		19.4	1.0	1,549

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
(84-28) 6299 7603
nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	1.9	2.7	14.4	-22.4	-25.9	-12.2	79.9	1.5	14.4	1.8	4,577,527
Mid Cap	1.1	3.3	17.3	-30.1	-35.1	-20.7	18.7	-1.7	20.8	1.3	547,501
Small Cap	-12.6	-13.4	-2.4	-13.5	-13.8	-17.1	1.4	0.2	72.8	0.6	70,184

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Du lịch và Giải trí	6.7	12.1	12.9	13.0	52.2	82.5	1.0	0.3	n.a	25.4	108,981
Ngân hàng	3.3	3.9	20.4	-20.2	-16.8	-14.6	20.4	0.9	10.4	1.7	2,070,576
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.7	3.7	18.5	-3.9	-19.5	2.5	1.4	0.3	16.0	2.0	63,224
Tài chính	2.2	2.3	18.2	-29.6	-38.5	-24.6	14.3	-1.2	23.6	1.8	214,264
Công nghệ Thông tin	1.6	3.9	18.8	-19.7	-34.6	-25.1	1.5	0.1	23.7	3.9	163,075
Tài nguyên cơ bản	1.5	-0.5	6.4	-30.3	-40.1	-35.9	5.4	-0.5	32.8	1.5	225,362
Dược và Y tế	1.5	3.8	9.0	26.4	-25.1	-7.4	0.1	0.0	14.9	2.0	37,747
Ô tô & Phụ tùng	1.4	3.6	10.9	-36.9	-16.1	12.7	0.6	-0.1	19.5	1.2	16,211
Bán lẻ	0.9	5.5	22.3	-21.8	-24.7	-9.4	4.1	0.1	231.5	3.7	113,800
Bất động sản	0.6	4.3	6.9	-16.7	-19.5	7.1	25.8	2.2	15.3	1.3	801,853
Hóa chất	0.3	0.3	32.9	-35.3	-39.2	-25.2	3.9	-0.7	25.5	2.0	236,503
Tiện ích	0.0	1.9	6.6	-20.6	-22.3	-7.8	1.2	0.1	16.0	1.9	312,531
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	0.0	2.3	17.9	-31.1	-33.3	-15.2	5.6	-0.6	15.4	1.5	153,584
Bảo hiểm	-0.2	-2.1	5.9	-20.4	-42.5	-41.3	0.1	0.0	14.0	1.5	43,138
Thực phẩm và đồ uống	-0.4	-4.2	2.9	-22.4	-27.3	-13.9	8.1	0.1	6.9	2.3	429,054
Dầu khí	-0.7	3.2	9.2	-27.0	-21.5	6.6	1.4	-0.1	23.0	2.2	65,054
Truyền thông	-3.2	-9.7	-20.6	-42.3	-56.9	-42.7	0.1	0.0	26.5	0.9	1,699
Xây dựng và vật liệu	-5.9	-4.2	7.8	-37.5	-44.3	-35.4	4.7	-1.0	24.8	1.2	136,384

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,349**	-9.6	-110.9	-250.4	-284.0
Nước ngoài	**2,384**	10.5	-67.6	-178.7	-75.8
VanEck Vectors Vietnam ETF	544	0.0	0.0	-0.6	70.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	849	23.1	-43.9	-29.7	39.4
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	440	-10.0	-10.0	-84.3	-197.3
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	337	-2.7	-13.8	-31.7	38.7
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	188	0.0	3.0	-27.5	-21.1
Premia MSCI Vietnam ETF	11	0.0	-3.0	-4.8	-5.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**965**	-20.1	-43.2	-71.8	-208.2
DCVFMVN Diamond ETF	563	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	299	-1.5	-16.5	-42.9	-81.7
SSIAM VNFIN LEAD ETF	62	-18.6	-26.8	-27.4	-126.1
MAFN VN30 ETF	25	0.0	0.1	-0.4	-1.5
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	-1.0	-0.9
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	6	0.0	0.0	0.0	1.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-6,066	-33,134	-67,495
Ấn độ	1,023	932	932	2,290
Indonesia	-473	-473	-473	1,213
Nhật Bản*	11,637	11,637	11,637	22,042
Maylaysia	-35	-106	-106	-292
Philippines	-20	-29	-29	133
Hàn Quốc	1,006	2,147	2,154	14,336
Sri Lanka	0	3	3	-22
Đài Loan	-192	-354	-354	4,375
Thái Lan	217	268	268	-1,666
Việt Nam	-1	-84	-84	-485

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

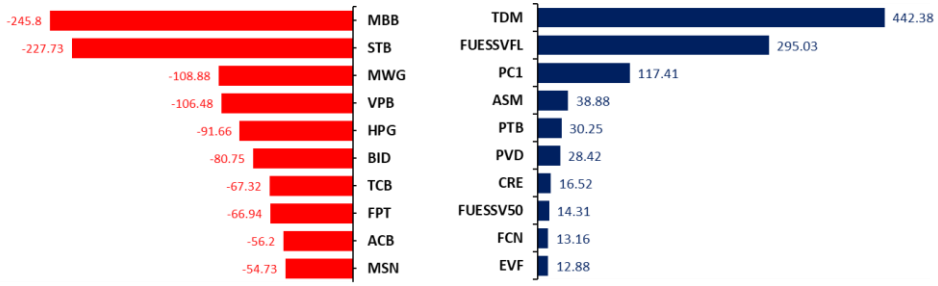
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

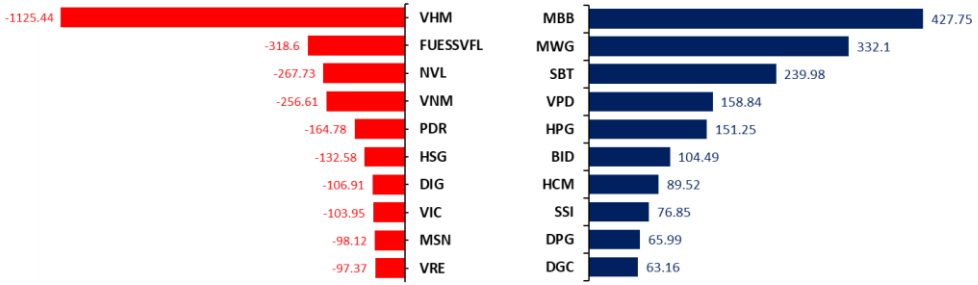
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-149	-1,364	1,354	10
Tài nguyên Cơ bản	-59	81	-75	-5
Truyền thông	0	0	0	-1
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-48	25	81	-106
Y tế	-2	2	1	-3
Hóa chất	-19	-18	66	-48
Dịch vụ tài chính	239	-120	-314	434
Du lịch và Giải trí	-17	3	-18	14
Ngân hàng	-977	582	1,131	-1,713
Xây dựng và Vật liệu	101	78	-119	42
Thực phẩm và đồ uống	-35	-238	267	-29
Bán lẻ	-128	353	-232	-121
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	438	171	-539	367
Hàng cá nhân & Gia dụng	-40	37	-29	-8
Công nghệ Thông tin	-67	-12	56	-45
Ô tô và phụ tùng	-3	69	-46	-23
Bảo hiểm	0	4	-3	-1
Dầu khí	11	-89	84	5
Tổng	-754	-435	1,665	-1,229

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	PSH	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5.07 - 15.95	5.1	-28.5%
2	QBS	Hóa chất	1.32 - 3.56	1.3	-26.7%
3	POM	Tài nguyên Cơ bản	3.49 - 9.04	3.5	-13.8%
4	VNE	Xây dựng và Vật liệu	4.90 - 13.00	5.0	-13.8%
5	TTE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8.78 - 15.60	8.8	-13.5%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
32.0%	6.1	3.49 - 6.07	Xây dựng và Vật liệu	DXV
25.7%	7.8	6.10 - 13.80	Y tế	APC
21.9%	29.2	21.70 - 29.30	Y tế	DCL
19.1%	6.7	4.86 - 11.20	Xây dựng và Vật liệu	HU1
17.1%	29.2	4.00 - 15.95	Bất động sản	QCG

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VMS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	13.60 - 37.40	24.2	-20.7%
2	VCM	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.40 - 29.10	12.1	-17.7%
3	KHS	Thực phẩm và đồ uống	8.60 - 22.50	9.7	-17.1%
4	L62	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.00 - 3.90	2.2	-15.4%
5	PMP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.00 - 15.10	12.7	-14.2%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
21.9%	22.8	6.70 - 27.80	Xây dựng và Vật liệu	HMR
20.3%	9.5	5.80 - 10.00	Hàng cá nhân & Gia dụng	NST
18.8%	24.0	6.30 - 24.70	Y tế	LDP
17.4%	13.5	9.50 - 13.50	Tài nguyên Cơ bản	TKU
15.8%	4.4	2.80 - 5.50	Thực phẩm và đồ uống	CTP

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	AAH	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5.00 - 23.90	5.0	-36.7%
2	VTL	Thực phẩm và đồ uống	6.00 - 15.50	7.6	-36.1%
3	TLI	Hàng cá nhân & Gia dụng	4.50 - 10.30	4.5	-33.8%
4	CEN	Bán lẻ	2.90 - 11.50	2.9	-31.0%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	0.50 - 0.90	0.5	-28.6%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
46.9%	36.0	17.50 - 36.00	Y tế	NTF
44.0%	72.0	27.10 - 72.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	CKA
30.2%	13.8	6.10 - 19.20	Xây dựng và Vật liệu	TEL
29.7%	11.8	6.40 - 14.70	Xây dựng và Vật liệu	CID
29.6%	39.0	19.75 - 39.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TRS

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	TDM	CTCP Cảng Quy Nhơn	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13,338.9	2,744.1	48.2	35.54 - 48.15	7.4
2	DCL	Dược phẩm Cửu Long	Y tế	6,584.1	1,187.2	29.2	21.70 - 29.30	21.9
3	VSH	Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1,650.0	285.1	48.0	38.00 - 52.00	-1.8
4	PAC	Pin Ắc quy Miền Nam	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2,171.7	251.4	34.5	23.00 - 36.50	-0.9
5	TDP	Công ty Thuận Đức	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3,205.8	106.8	33.7	25.40 - 34.40	-0.1
6	NHH	Nhựa Hà Nội	Hóa chất	10,969.4	100.7	18.1	13.35 - 23.30	4.3
7	PVP	Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17,097.8	69.3	15.0	11.20 - 16.25	5.3
8	IMP	IMEXPHARM	Y tế	1,846.6	68.8	70.3	46.67 - 71.43	4.5
9	CMG	Tập đoàn Công nghệ CMC	Công nghệ Thông tin	34,964.8	52.0	49.3	31.70 - 49.50	4.2
10	DBD	Dược - TB Y tế Bình Định	Y tế	3,716.3	51.3	54.3	39.00 - 60.00	-2.3

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

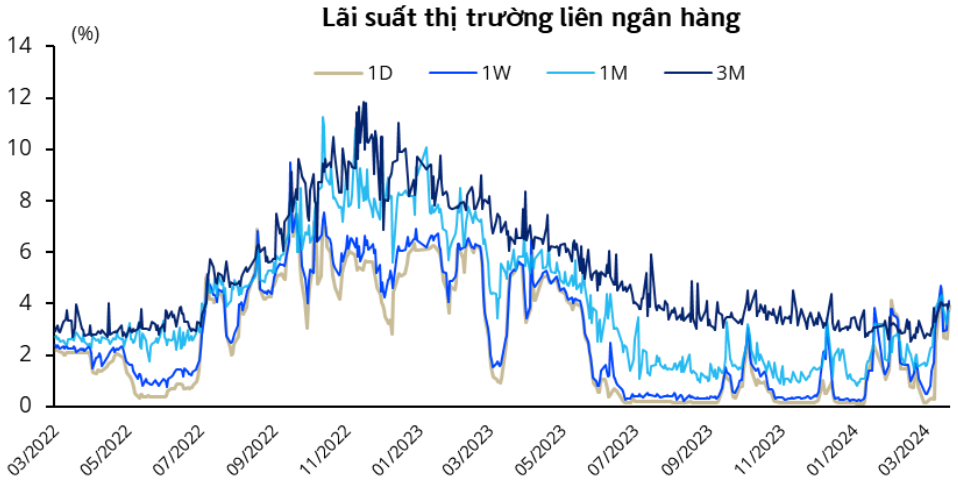
Tỷ giá

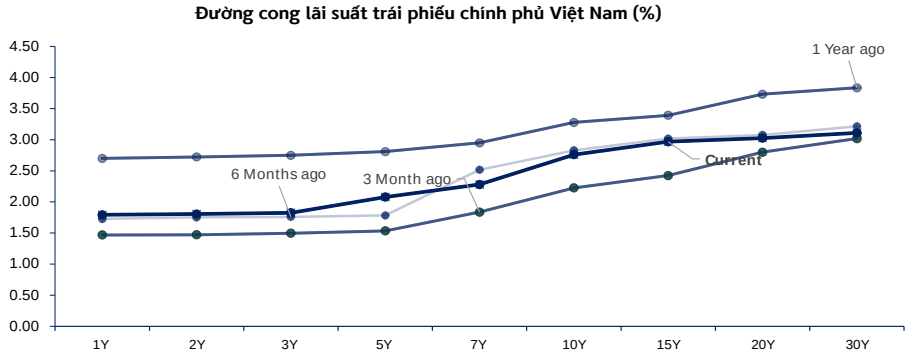
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	105.82	1.5	2.8	3.3	4.4	
VND/USD	25,025	0.3	1.5	2.1	3.1	
KRW/USD	1,375.40	1.7	4.9	4.7	6.8	
JPY/USD	153.28	1.1	3.8	5.8	8.7	
EUR/USD	0.94	1.6	2.5	2.7	3.5	
SGD/USD	1.36	0.7	1.9	2.0	2.9	
CNY/USD	7.24	0.1	0.8	1.0	1.9	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	85.96	-1.1	10.8	18.3	20.0	
Xăng	280.37	0.5	8.4	32.2	33.3	
Gas	1.77	-0.8	3.3	-46.6	-29.6	
Than	128.75	0.4	-3.2	-1.5	-12.1	
Vàng	2,400.01	3.0	11.2	17.1	16.3	
Bạc	29.20	6.3	20.9	25.9	22.7	
Platinum	1,001.99	7.7	8.3	9.9	1.0	
Quặng sắt	104.71	4.8	-7.3	-24.6	-23.2	
Thép cán	3,767.00	0.7	-2.6	-7.1	-7.6	
Lúa mì	553.50	-2.4	3.4	-7.1	-11.9	
Ngô	428.25	-1.4	-0.2	-4.2	-9.1	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam





TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.79	1.80	1.83	2.08	2.28	2.76	2.97	2.42	3.02
Thay đổi (BPS)*	1.70	1.60	1.20	1.60	1.20	-1.70	0.60	0.80	0.00

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.